

Bản án số: 167/2020/HSPT

Ngày: 30/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử Phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Thông

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Gia Lương

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên toà: Thân Thị Hải Minh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:
Bà Lâm Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 30/12/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang, xét xử Phúc thẩm công khai vụ án hình sự Phúc thẩm thụ lý số 223/TLPT-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo Ngô Văn V và đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn V, Hoàng Văn N, Mã Văn L, Diệp Văn T, Lâm Văn P, Tăng Văn C, Trần Văn Th, Hoàng Văn M, Nguyễn Văn B, Lâm Văn S, Diệp Văn H và kháng nghị của Viện kiểm sát huyện Lục Ngạn đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2020/HSST ngày 23/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

1. Họ và tên: Ngô Văn V, sinh năm 1983.

Sinh, trú quán: thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 5/12; Đảng, đoàn thể: Không; Bố đẻ: Ngô Văn P (Đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N (Đã chết); Vợ: D Thị H, sinh năm 1986; Con: Có 02 con (con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh tháng 6/2020); Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 36/2008/HSST ngày 06/6/2008 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc phải chịu 50.000đ án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 08/8/2008 chấp hành xong án phí. Bị cáo bị bắt quả tang bị tạm giữ từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại tại nơi cư trú (Có mặt).

2. Họ và tên: Hoàng Văn N, sinh năm 1985.

Sinh, trú quán: thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Nùng. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn Giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn

hóa: Lớp 6/12. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Hoàng Văn S (Đã chết). Mẹ đẻ: Đào Thị Đ, sinh năm 1952. Vợ: Lâm Thị H, sinh năm 1995. Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018). Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại tại nơi cư trú (Có mặt).

3. Họ và tên: Mã Văn L, sinh năm 1989.

Sinh, trú quán: thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Nùng. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn Giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: Lớp 5/12. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Mã Đức M, sinh năm 1953. Mẹ đẻ: Nông Thị H, sinh năm 1955. Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại tại nơi cư trú (Có mặt).

4. Họ và tên: Diệp Văn H, sinh năm 1965.

Sinh, trú quán: thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Nùng. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn Giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: Không đi học. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Diệp Văn U (Đã chết). Mẹ đẻ: Nông Thị P, sinh năm 1940. Vợ: N Thị Đ, sinh năm 1965. Con: Có 03 con (Con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1996). Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại tại nơi cư trú (Có mặt).

5. Họ và tên: Diệp Văn T, sinh năm 1988.

Sinh, trú quán: thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 5/12; Đảng, đoàn thể: Không; Bố đẻ, mẹ đẻ: Không rõ; Bố nuôi: Diệp Văn S (Đã chết); Mẹ nuôi: Hoàng Thị T, sinh năm 1946; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại bản án số 22/2012/HSST ngày 04/04/2012 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, buộc phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, 200.000đ án phí dân sự sơ thẩm và buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 2.000.000đ. Ngày 06/7/2013 bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù về địa phương và trước đó ngày 31/7/2012 bị cáo chấp hành xong án phí và tiền bồi thường. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại ở nơi cư trú (Có mặt).

6. Họ và tên: Lâm Văn P, sinh năm 1992.

Sinh, trú quán: thôn C, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Sán chí; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Đảng, đoàn thể: Không; Bố đẻ: Lâm Văn Đ, sinh năm 1966; Mẹ đẻ: Lý Thị M, sinh năm 1968; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Tại bản án hình sự Phức tạp số: 126/2013/HSPT ngày 24/7/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phạt 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm, 200.000đ án phí dân sự

sơ thẩm. Ngày 05/9/2013 bị cáo chấp hành xong toàn bộ án phí. Ngày 28/04/2014 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù về địa phương. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại ở nơi cư trú (Có mặt).

7. Họ và tên: Hứa Văn S, sinh năm 1987.

Sinh, trú quán: thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Nùng. Quốc tịch: Việt Nam. Tôn Giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: Không đi học. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Hứa Văn D (Đã chết). Mẹ đẻ: Hoàng Thị Q (Đã chết). Vợ: Hoàng Thị L, sinh năm 1991. Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014). Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại tại nơi cư trú (Có mặt).

8. Họ và tên: Tăng Văn C, sinh năm 1985.

Sinh, trú quán: thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: Lớp 5/12; Đảng, đoàn thể: Không; Bố đẻ: Tăng Văn U, sinh năm 1961; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị N, sinh năm 1967; Vợ: Phạm Thị H, sinh năm 1984; Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2012); Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại tại nơi cư trú (Có mặt).

9. Họ và tên: Trần Văn Th, sinh năm 1988.

Sinh, trú quán: thôn N, xã K, huyện L, Bắc Giang. Dân tộc: Sán chí; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 11/12; Đảng, đoàn thể: Không; Bố đẻ: Trần Văn T (Đã chết); Mẹ đẻ: Ninh Thị P, sinh năm 1963; Vợ: Ninh Thị N, sinh năm 1992; Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án: Không; Tiền sự: Có 01 tiền sự: Ngày 24/12/2019 có hành vi “Đánh bạc”. Ngày 24/02/2020 Công an huyện Lục Ngạn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 53/QĐ-XPHC, xử phạt 1.500.000đ đã chấp hành xong. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại tại nơi cư trú (Có mặt).

10. Họ và tên: Hoàng Văn M, sinh năm 1988.

Sinh, trú quán: thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ văn hóa: Lớp 9/12. Đảng, đoàn thể: Không. Bố đẻ: Hoàng Văn S, sinh năm 1957. Mẹ đẻ: Hoàng Thị C (Đã chết). Vợ, con: Chưa có. Có 01 con nuôi sinh năm 2010; Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại ngoại từ đầu đến nay (Có mặt).

11. Họ và tên: Lâm Văn S, sinh năm 1985.

Sinh, trú quán: thôn C, xã K, huyện L, Bắc Giang. Dân tộc: Sán chí; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa:

Lớp 6/12; Đảng, đoàn thể: Không; Bố đẻ: Lâm Văn H (Đã chết); Mẹ đẻ: Phạm Thị T, sinh năm 1947; Vợ: Ninh Thị H, sinh năm 1981; Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt quả tang tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 06/02/2020 được trả tự do, tại ngoại ở nơi cư trú (Có mặt).

12. Họ và tên: Nguyễn Văn B, sinh năm 1981.

Sinh, trú quán: thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Đảng, đoàn thể: Không; Bố đẻ: Nguyễn Văn T (Đã chết); Mẹ đẻ: Nguyễn Thị S, sinh năm 1947; Vợ: Lưu Thị S, sinh năm 1983; Con: Có 03 con (Con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại ở nơi cư trú (Có mặt).

13. Họ và tên: Hoàng Văn C, sinh năm 1986.

Sinh, trú quán: thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Đảng, đoàn thể: Không; Bố đẻ: Hoàng Văn S, sinh năm 1957; Mẹ đẻ: Hoàng Thị C (Đã chết); Vợ: Bùi Thị N, sinh năm 1985; Con: Có 02 con (Con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2011); Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại ở nơi cư trú (Có mặt).

14. Họ và tên: Diệp Văn X, sinh năm 1971.

Sinh, trú quán: thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không đi học; Đảng, đoàn thể: Không; Bố đẻ: Diệp Văn U (Đã chết); Mẹ đẻ: Nông Thị P, sinh năm 1940; Vợ: Lưu Thị L, sinh năm 1978; Con: Có 03 con (Con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại ở nơi cư trú (Có mặt).

15. Họ và tên: Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1985.

Sinh, trú quán: thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Lớp 6/12; Đảng, đoàn thể: Không; Bố đẻ: Nguyễn Văn H (Đã chết); Mẹ đẻ: Hà Thị C, sinh năm 1943; Vợ: Hứa Thị T, sinh năm 1993; Con: Có 03 con (Con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Chưa có. Bị cáo bị bắt quả tang, bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 14/02/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn tại ngoại ở nơi cư trú (Có mặt).

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo khác và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không liên quan đến kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ ngày 05/02/2020, Hoàng Văn M, sinh năm 1988, trú tại thôn H, xã K đang ở nhà thì có Trần Văn Tr, sinh năm 1988 và Lâm Văn D, sinh năm 1996, đều trú tại thôn H, xã K đến chơi. Sau đó M, Tr, D cùng nhau nấu cơm ở bếp nhà M để ăn. Khi đang nấu cơm thì có một số người đến chơi gồm: Lâm Xuân B, sinh năm 1961, trú tại thôn Giữa, xã K, Lâm Văn S, sinh năm 1985, trú tại thôn C, xã K, Hoàng Văn N, sinh năm 1985, trú tại thôn H, xã K. Nấu cơm xong thì M cùng mọi người dọn cơm ra bếp nhà M ăn cơm, uống rượu. Trong lúc ăn cơm thì có người rủ đánh bạc vui xuân, nên N lấy 01 con dao ở bếp của gia đình M đi làm 04 quân V bằng tre, 01 mặt N lấy dây cao su đốt rồi bôi đen, 01 mặt để nguyên. Làm quân V xong N lấy 01 chiếc bát con bằng sứ và 01 chiếc đĩa bằng sứ cùng 04 quân V để ra cửa bếp nhà M, rồi tiếp tục vào ngồi uống rượu. Trong lúc mọi người đang ngồi uống rượu thì tiếp tục có thêm khoảng hơn 10 người nữa đến nhà M chơi và đi vào phòng khách ở nhà trên (Nhà chính). Lúc này có người cầm bát, đĩa, quân V mà N đã chuẩn bị trước đó để ở cửa bếp mang lên đặt ở giữa 02 chiếc chiếu đôi đã trải sẵn tại nền phòng khách của gia đình M. Lúc này Ngô Văn V, sinh năm 1983, trú tại thôn Giữa, xã Kiến Lao cũng đến chơi, V đi vào bếp uống rượu với mọi người một lúc thì đi lên trên nhà. Khi V lên phòng khách thì thấy bát, đĩa, quân V đã để ở chiếu và có một số người đang ngồi ở chiếu. Thấy không có người xóc cái, V ngồi xuống chiếu xóc cái cho mọi người đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền. Tham gia đánh bạc gồm có: Ngô Văn V, sinh năm 1983, Tăng Văn C, sinh năm 1985, Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1985, Nguyễn Văn B, sinh năm 1981, đều trú tại thôn Giữa, xã K; Diệp Văn H, sinh năm 1965, Hứa Văn S, sinh năm 1987, Mã Văn L, sinh năm 1989, Diệp Văn X, sinh năm 1971, Hoàng Văn C, sinh năm 1986, Diệp Văn T, sinh năm 1988; đều trú tại thôn H, xã K; Trần Văn Th, sinh năm 1988, Trần Văn H1, sinh năm 1988 đều trú tại thôn N, xã K; Lý Văn B1, sinh năm 1994, Lâm Văn P, sinh năm 1992 đều trú tại thôn C, xã K. Còn Trần Văn Th1, sinh năm 1955, trú tại thôn Giữa, Mã Văn Kh, sinh năm 1987, trú tại thôn H, đều ở xã K không tham gia đánh bạc mà ngồi uống nước ở bàn. Sau khi ăn cơm và uống rượu ở dưới bếp xong, Hoàng Văn M cùng với Trần Văn Tr, Lâm Văn D, Lâm Xuân B, cũng lên trên phòng khách nhà M ngồi uống nước cùng với Trần Văn Th1 và Mã Văn Kh gần chỗ mọi người đánh bạc. Còn Lâm Văn S, Hoàng Văn N thấy mọi người đánh bạc nên cũng tham gia đánh bạc cùng mọi người, Lâm Văn S do không có tiền nên S xin của Trần Văn Th 150.000đ và tham gia đánh bạc.

Hình thức đánh bạc cụ thể như sau: Người xóc cái dùng 04 quân cái một mặt đen, một mặt trắng cho vào 01 đĩa sứ rồi dùng bát con úp lên, sau đó dùng hai tay cầm cả đĩa và bát xóc đều lên rồi đặt nguyên cả bát, đĩa xuống giữa chiếu

bạc trước mặt mọi người. Quy định phía bên tay phải của người xóc cái là bên chắn, phía bên tay trái của người xóc cái là bên lẻ. Những người tham gia đánh bạc đặt cược tiền bên chắn hay lẻ tùy theo sự phán đoán của mình, sau khi những người tham gia chơi đặt tiền xuống cửa ổn định, thì người xóc cái hoặc một người nào đó tiến hành mở bát. Khi mở bát ra nếu quân cái thể hiện 03 quân mặt trắng, 01 quân mặt đen hoặc 03 quân đen, 01 quân trắng thì những người đặt tiền ở bên lẻ thắng bạc. Nếu quân cái thể hiện 02 quân đen, 02 quân trắng hoặc 04 quân đen, 04 quân trắng thì những người đặt tiền ở bên chắn thắng bạc, tỷ lệ được thua là 1/1.

Các đối tượng đánh bạc sát phạt nhau đến 16 giờ cùng ngày thì bị Tổ công tác của Công an huyện Lục Ngạn phát hiện bắt quả tang. Bắt giữ được toàn bộ 22 người, không có ai chạy thoát. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm: Số tiền 11.200.000đ, 01 bát con bằng sứ, 01 đĩa bằng sứ, 04 quân V bằng mảnh tre, 02 chiếc chiếu cói đôi đã cũ; các đối tượng giao nộp 16 chiếc điện thoại các loại và 16.544.000đ (Trong đó có 8.630.000đ sử dụng vào mục đích đánh bạc), thu giữ tại sân nhà M 10 xe mô tô các loại .

Sau khi bắt giữ được các đối tượng đánh bạc, Tổ công tác của Công an huyện Lục Ngạn đã đưa toàn bộ những người bị bắt giữ và tang vật về trụ sở để làm việc. Tại cơ quan điều tra Công an huyện Lục Ngạn các đối tượng Ngô Văn V, Tăng Văn C, Nguyễn Văn Ph, Nguyễn Văn B, Diệp Văn H, Hứa Văn S, Mã Văn L, Diệp Văn X, Hoàng Văn C, Diệp Văn T, Trần Văn Th, Trần Văn H1, Lý Văn B1, Lâm Văn P, Hoàng Văn N đều thành khẩn khai nhận hành vi tham gia đánh bạc của mình.

Đối với Lâm Văn S không thừa nhận được tham gia đánh bạc. Còn Trần Văn Th1, Mã Văn Kh, Hoàng Văn M, Trần Văn Tr, Lâm Văn D, Lâm Xuân B không tham gia đánh bạc. Ngày 06/02/2020, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trả tự do cho S, Th1, Kh, M, Tr, D, B1.

Quá trình điều tra xác định Hoàng Văn M là chủ nhà biết rõ các đối tượng đánh bạc tại nhà của mình nhưng không ngăn cản mà để mặc cho các đối tượng đánh bạc, Ngô Văn V và Trần Văn Th khai trực tiếp nhìn thấy và xác định rõ V trí Lâm Văn S ngồi tham gia đánh bạc, nhưng S không thừa nhận, Cơ quan điều tra đã tiến hành tiến hành cho S đối chất với V và Thìn nhưng S vẫn không thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã thu thập được ngày 25/03/2020, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với S và M về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận về hành vi đánh bạc và số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc như sau:

Ngô Văn V khai: V là người trực tiếp xóc cái cho mọi người đánh bạc sát phạt nhau. Khi tham gia đánh bạc, V có 2.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc. Quá trình đánh bạc V Thắng 500.000đ. Khi bị bắt V đã giao nộp số tiền 2.500.000đ là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Hoàng Văn N khai: N là người làm quân vị, chuẩn bị bát, đĩa để sẵn ở cửa bếp nhà M, sau đó ai mang lên nhà để đánh bạc thì không biết. Khi tham gia đánh bạc N có 3.000.000đ, N bỏ ra 200.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt N đang thua bạc, N giao nộp số tiền 2.830.000đ, trong đó có 30.000đ là tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc, còn số tiền 2.800.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Diệp Văn H khai: Khi tham gia đánh bạc có 1.500.000đ, H bỏ ra 1.300.000đ để đánh bạc, còn 200.000đ không sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt đang thắng bạc được 280.000đ, đã giao nộp số tiền 1.780.000đ, trong đó có 1.580.000đ là tiền sử dụng đánh bạc, số tiền 200.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Hứa Văn S khai: Khi tham gia đánh bạc có 650.000đ sử dụng hết số tiền này để đánh bạc. Khi bị bắt đang thắng bạc được 170.000đ, đã giao nộp cho Công an số tiền 820.000đ đều là tiền sử dụng để đánh bạc. Mã Văn L khai: Có 2.000.000đ đều sử dụng để đánh bạc. Khi bị bắt đang thắng bạc 500.000đ, đã giao nộp 2.500.000đ, đều là tiền sử dụng để đánh bạc. Tăng Văn C khai: Có 550.000đ để sử dụng đánh bạc. Khi bị bắt đang thua bạc 40.000đ, còn 510.000đ giao nộp là tiền đánh bạc. Lý Văn B1 khai: Khi tham gia đánh bạc có 1.000.000đ, bỏ ra 300.000đ để đánh bạc. Biên cho Phú 100.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt Biên đang thắng bạc, giao nộp 1.140.000đ, trong đó có 540.000đ sử dụng để đánh bạc, còn 600.000đ không sử dụng đánh bạc. Hoàng Văn C khai: Khi tham gia đánh bạc có 300.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt đã thua hết tiền. Diệp Văn T khai: Khi tham gia đánh bạc có 270.000đ. Khi bị bắt đã thua hết tiền. Nguyễn Văn Ph khai: Khi tham gia đánh bạc có 240.000đ. Khi bị bắt đã thua hết tiền. Lâm Văn P khai: Khi tham gia đánh bạc không có tiền, P xin của Biên 100.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt đã thua hết tiền. Nguyễn Văn B khai: Khi tham gia đánh bạc có 100.000đ. Khi bị bắt đã thua hết tiền. Trần Văn H1 khai: Khi tham gia đánh bạc có 50.000đ. Khi bị bắt đã thua hết tiền. Lâm Văn S khai: S không tham gia đánh bạc, S xin của Thìn 150.000đ để đi mua nước. Khi Thìn đưa cho S 150.000đ, S cầm tiền đang chuyển bị đi mua nước thì bị bắt, S đã giao nộp 150.000đ. Hoàng Văn M khai: M không tham gia đánh bạc nhưng biết các đối tượng đánh bạc sát phạt nhau tại nhà mình nhưng M không ngăn cản các đối tượng đánh bạc. Diệp Văn X khai: Khi tham gia đánh bạc có 270.000đ để đánh bạc. Khi bị bắt đã thua hết tiền. Trần Văn Th khai: Có 730.000đ, bỏ ra 300.000đ để đánh bạc. Khi Thìn đang đánh bạc thì Lâm Văn S xin Thìn 150.000đ để đánh bạc nên Thìn cho S 150.000đ, còn 150.000đ Thìn sử dụng đánh bạc. Khi bị bắt Thìn đã thua bạc 50.000đ, còn 100.000đ đã thả xuống chiếu bạc, còn 430.000đ không sử dụng vào mục đích đánh bạc đã giao nộp cho Công an.

Đối với ông Hoàng Văn S (tức Hoàng Văn X) sinh năm 1957, là bố đẻ của Hoàng Văn M là người ở cùng nhà với M. Khi các đối tượng đánh bạc tại nhà mình, ông S không có ở nhà, không biết các đối tượng đánh bạc tại nhà mình nên không có căn cứ để xử lý.

Về vật chứng của vụ án:

Đối với 16 điện thoại các loại và số tiền 3.623.000đ thu giữ của các đối tượng đánh bạc và những người không tham gia đánh bạc. Xét thấy không liên quan đến hành vi đánh bạc. Ngày 30/03/2020, cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho các chủ sở hữu là có căn cứ.

Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HoDa, Wave, màu đen bạc, biển số 98E1-196.53 của Trần Văn Tr là người không tham gia đánh bạc và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, Sirius, màu đỏ đen, biển số 98E1-12056 là xe của Nguyễn Văn Ph, không liên quan đến hành vi đánh bạc của P. Ngày 30/03/2020, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ. P đã nộp số tiền 10.200.000đ để đảm bảo thi hành án.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, Wave, màu đỏ bạc, biển số 99S2-0016 của Lâm Văn P. Quá trình điều tra P khai chiếc xe trên P mượn của anh trai là Lâm Văn O, sinh năm 1988, trú tại thôn C, xã K. Làm việc với anh Ôn, anh khai mua chiếc xe trên của một người không biết tên tuổi, địa chỉ. Khi mua xe có giấy tờ đăng ký xe mang tên Quách Anh Cận, trú tại thôn P, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh nhưng không làm giấy tờ mua bán. Tiến hành lấy lời khai của ông Quách Anh C, sinh năm 1950, trú tại thôn P, xã P, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh, ông C khai chiếc xe trên của ông bị mất trộm vào ngày 01/12/2019 (âm lịch), Cơ quan điều tra đã tách chiếc xe trên ra để tiếp tục điều tra làm rõ, khi nào có căn cứ sẽ xử lý sau.

Những vật chứng còn lại chuyển đến kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn để xử lý theo quy định.

Bản án hình sự sơ thẩm số 45 ngày 23/6/2020 của tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn tỉnh Bắc Giang đã quyết định

1. Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn V, Hoàng Văn N, Mã Văn L, Diệp Văn X, Diệp Văn T, Trần Văn H1, Lâm Văn P, Lý Văn B1, Hoàng Văn C, Hứa Văn S, Nguyễn Văn B, Diệp Văn H, Trần Văn Th, Nguyễn Văn Ph, Tăng Văn C, Hoàng Văn M, Lâm Văn S phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 333 và Điều 337 Bộ luật tố tụng Hình sự;

1. Xử phạt: Ngô Văn V 16 (Mười sáu) tháng tù về tội “*Đánh bạc*” được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 40.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

2. Xử phạt: Hoàng Văn N 16 (Mười sáu) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 30.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

3. Xử phạt: Mã Văn L 14 (Mười bốn) tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù

tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 30.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

4. Xử phạt: Diệp Văn H 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc” được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 30.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

5. Xử phạt: Hứa Văn S 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Đánh bạc” được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

6. Xử phạt: Diệp Văn T 10 (Mười) tháng tù về tội “Đánh bạc” được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

7. Xử phạt: Lâm Văn P 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

8. Xử phạt: Trần Văn Thìn 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

9. Xử phạt: Tăng Văn C 08(Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

10. Xử phạt: Nguyễn Văn B 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 333 và Điều 337 Bộ luật tố tụng Hình sự;

11. Xử phạt: Hoàng Văn M 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng khoản 1 và 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 333 và Điều 337 Bộ luật tố tụng Hình sự;

12. Xử phạt: Lâm Văn S 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 06/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, và 3 Điều 321; Điều 17; Điều 38; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự; Điều 333 và Điều 337 Bộ luật tố tụng Hình sự;

13. Xử phạt: Hoàng Văn C 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

14. Xử phạt: Lý Văn B1 08 (Tám) tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước

15. Xử phạt: Diệp Văn X 07 (B) về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước

16. Xử phạt: Nguyễn Văn Ph 07(B) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước. Xác nhận Nguyễn Văn Ph đã nộp số tiền 10.200.000đ theo biên lai thu tiền số AA/2015/0002097, ngày 24/3/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn. Nguyễn Văn Ph còn phải nộp tiếp số tiền là 9.800.000đ.

17. Xử phạt: Trần Văn H1 06 (Sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho hưởng án treo. Phạt tiền 20.000.000đ để sung công quỹ nhà nước

Ngoài ra bản án còn tuyên phạt đối với bị cáo khác, tuyên phần xử lý vật chứng, phần án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, trong các ngày 01, 02/7/2020 các bị cáo Ngô Văn V, Hoàng Văn N, Mã Văn L, Diệp Văn T, Lâm Văn P, Tăng Văn C, Trần Văn Th, Hoàng Văn M, Nguyễn Văn B, Diệp Văn H, Hứa Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm xét xử lại theo hướng giảm nhẹ hình phạt, cho hưởng án treo và giảm tiền phạt bổ sung.

Ngày 08/7/2020, bị cáo Lâm Văn S kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xem xét lại tội danh, bị cáo không tham gia đánh bạc.

Ngày 07/7/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn kháng nghị một phần bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Hoàng Văn N, Mã Văn L, Diệp Văn T, Tăng Văn C, Diệp Văn H, Hứa Văn S, Diệp Văn X, Nguyễn Văn Ph

Tại phiên toà Phúc thẩm, các bị cáo trình bày:

- Bị cáo Ngô Văn V trình bày: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo với lý do con bị cáo còn nhỏ, bị cáo là lao động chính trong gia đình, bố bị cáo có đi thanh niên xung phong.

- Bị cáo Hoàng Văn N trình bày: Bị cáo thay đổi kháng cáo, bị cáo không xin giảm nhẹ nữa mà chỉ xin hưởng án treo và giảm tiền phạt. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Vì vậy mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và giảm tiền phạt.

- Bị cáo Mã Văn L trình bày: Bị cáo thay đổi kháng cáo, bị cáo không xin giảm nhẹ nữa mà chỉ xin hưởng án treo và giảm tiền phạt. Xin hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình.

- Bị cáo Diệp Văn H trình bày: Bị cáo thay đổi kháng cáo, bị cáo không xin giảm nhẹ nữa mà chỉ xin hưởng án treo và giảm tiền phạt. Xin hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình, hiện đã lớn tuổi, có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Vì vậy mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo và giảm tiền phạt.

- Bị cáo Diệp Văn T trình bày: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo và giảm tiền phạt với lý do: Bị cáo đi bộ đội, thành khẩn khai báo và rất hối hận về hành vi của mình.

- Bị cáo Lâm Văn P trình bày: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo và giảm tiền phạt với lý do: Bị cáo thành khẩn khai báo và rất hối hận về hành vi của mình, gia đình khó khăn.

- Bị cáo Hứa Văn S trình bày: Bị cáo thay đổi kháng cáo, bị cáo không xin giảm nhẹ nữa mà chỉ xin hưởng án treo và giảm tiền phạt: Xin hưởng án treo vì bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí.

- Bị cáo Tăng Văn C trình bày: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo và giảm tiền phạt với lý do: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, đang nuôi con nhỏ.

- Bị cáo Trần Văn Th trình bày: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo và giảm tiền phạt với lý do: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

- Bị cáo Hoàng Văn M: Bị cáo thay đổi kháng cáo, bị cáo không xin giảm nhẹ nữa mà chỉ xin hưởng án treo và giảm tiền phạt. Xin hưởng án treo vì bị cáo có nhân thân tốt, tham gia nghĩa vụ quân sự, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo.

- Bị cáo Lâm Văn S trình bày: Bị cáo giữ nguyên kháng cáo xem xét lại hành vi của bị cáo chưa đủ cấu thành tội phạm, bị cáo không tham gia đánh bạc. Bị cáo mượn tiền để đi mua nước uống chứ không phải dùng để đánh bạc.

- Bị cáo Nguyễn Văn B trình bày: Bị cáo thay đổi kháng cáo, bị cáo không xin giảm nhẹ nữa mà chỉ xin hưởng án treo và giảm tiền phạt. Xin hưởng án treo vì bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, gia đình sống ở vùng có kinh tế đặc biệt khó khăn. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền phạt và án phí.

- Bị cáo Hoàng Văn C, Diệp Văn X, Nguyễn Văn Ph trình bày: Bị cáo sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn phạt tiền đối với bị cáo như kháng nghị của Viện kiểm sát.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Án sơ thẩm căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ xử phạt các bị cáo hình phạt chính như vậy là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Riêng bị cáo Lâm Văn S không nhận tội. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị cáo cùng tham gia đánh bạc với S nên có đủ căn cứ kết tội

đối với bị cáo S. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Các bị cáo Hoàng Văn N, Mã Văn L, Hứa Văn S, Nguyễn Văn B, Diệp Văn H, Tăng Văn C, Hoàng Văn M đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 15/5/2018. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo.

Các bị cáo Trần Văn Th, Ngô Văn V, Diệp Văn T, Lâm Văn P có nhân thân xấu nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo về hình phạt chính.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Ngô Văn V, Lâm Văn P, Trần Văn Th, Nguyễn Văn B không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nên án sơ thẩm phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ và cần thiết. Tuy nhiên, các bị cáo đều sống ở thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên mức tiền phạt bổ sung của án sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là chưa phù hợp với tình hình kinh tế nơi các bị cáo sinh sống. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin giảm tiền phạt bổ sung của các bị cáo trên.

Mặc dù bị cáo Lý Văn B1 và Trần Văn H1 không kháng cáo nhưng án sơ thẩm phạt bổ sung hai bị cáo số tiền 20.000.000đồng là chưa phù hợp với tình hình kinh tế nơi các bị cáo sinh sống. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm một phần tiền phạt bổ sung cho các bị cáo trên.

Các bị cáo N, L, H, S, Xít, P, S, Thêm, Tăng Văn C và Hoàng Văn C thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc là người dân tộc thiểu số sống ở thôn, xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ (Ban hành kèm theo danh mục các đơn V hành chính thuộc vùng khó khăn) và thuộc được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo này là trái với chính sách của Đảng và Nhà nước, không phù hợp với các Quyết định, Nghị định nêu trên của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn và kháng cáo của các bị cáo đối với hình phạt bổ sung của các bị cáo trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo được làm trong thời hạn kháng cáo theo đúng quy định tại Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự nên xác định là kháng cáo hợp pháp, được chấp nhận để xem xét giải quyết vụ án theo trình tự Phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo thấy: Khoảng 16 giờ ngày 05/02/2020, tại nhà ở của Hoàng Văn M, trú tại thôn H, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Các bị cáo Ngô Văn V, Hoàng Văn N, Mã Văn L, Diệp Văn X, Diệp Văn T, Trần Văn H1, Lâm Văn P, Lý Văn B1, Hoàng Văn C, Hứa Văn S, Nguyễn Văn B, Diệp Văn H, Trần Văn Th, Nguyễn Văn Ph, Tăng Văn C, Lâm Văn S đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền, thì bị Tổ công tác Công an huyện Lục Ngạn bắt quả tang được lập biên bản vào hồi 16 giờ ngày 05/2/2020. Bắt giữ được 22 người, trong đó có 16 người tham gia đánh bạc. Thu giữ toàn bộ tiền tại chiếu bạc là 11.200.000đ, công cụ, dụng cụ sử dụng vào mục đích đánh bạc. Trong quá trình điều tra các bị cáo còn giao nộp số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 8.630.000đ. Tổng số tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc và mục đích đánh bạc là 19.830.000đ.

Tại phiên tòa Phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Các lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với thời gian, địa điểm và vật chứng đã được thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Riêng bị cáo Lâm Văn S không nhận tội. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị cáo cùng tham gia đánh bạc với S. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ kết tội đối với bị cáo S. Do đó Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2020/HSST ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang kết án các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”, theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo S không thành khẩn nên không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự như án sơ thẩm đã quyết định là có căn cứ.

Các bị cáo Hoàng Văn N, Mã Văn L, Diệp Văn H, Hứa Văn S, Tăng Văn C, Trần Văn Th, Hoàng Văn M, Nguyễn Văn B và Lâm Văn S đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là có căn

cứ.

Các bị cáo Ngô Văn V, Diệp Văn T, Lâm Văn P đã từng bị Tòa án xét xử về các tội Trộm cắp tài sản, Cố ý gây thương tích nên lần phạm tội này không được coi là phạm tội lần đầu; án sơ thẩm áp dụng cho 3 bị cáo này được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không đúng quy định. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Quá trình giải quyết vụ án ở cấp Phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn B tự nguyện nộp 10.200.000 đồng án phí và tiền phạt, bị cáo Hứa Văn S tự nguyện nộp 20.000.000 đồng tiền phạt bổ, đây được coi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự cần áp dụng cho bị cáo B và S.

[4]. Xét nhân thân và vai trò của các bị cáo thì thấy:

- Về nhân thân: Các bị cáo Ngô Văn V, Diệp Văn T, Lâm Văn P đã từng bị Tòa án xét xử về các tội Trộm cắp tài sản, Cố ý gây thương tích. Bị cáo Thìn có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc năm 2019.

- Về vai trò: Các bị cáo không có sự rủ rờ, lôi kéo mà cùng thực hiện hành vi phạm tội phạm tội khi đi chúc tết nhà bị cáo M, là đồng phạm giản đơn; bị cáo V là người xóc cái và sử dụng số tiền để đánh bạc nhiều nhất (2.000.000đ) nên giữ vai trò cao hơn và phải chịu mức án cao hơn các bị cáo khác; sau đó đến bị cáo N là người cất quân vị, lấy bát đĩa trong mâm và đặt quân V vào bát đĩa; bị cáo L sử dụng số tiền để đánh bạc cùng bị cáo V nhiều nhất (2.000.000đ); tiếp theo là bị cáo H; bị cáo S, Tăng Văn C, Hoàng Văn C, Biên, Thìn, Thêm, Xít, P, S, P, B, Hải. Bị cáo M không tham gia đánh bạc nhưng để cho các bị cáo đánh bạc tại nhà ở của mình nên đồng phạm với các bị cáo và có vai trò ngang nhau với các bị cáo Thêm, S, Xít, P, P, Biên, Hoàng Văn C.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo về hình phạt: Hội đồng xét xử thấy:

- Về hình phạt chính: Án sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo để xử phạt bị cáo Ngô Văn V và Hoàng Văn N 16 tháng tù, Mã Văn L 14 tháng tù, Diệp Văn H và Hứa Văn S 12 tháng tù, Diệp Văn T 10 tháng tù, Lâm Văn P, Trần Văn Th, Tăng Văn C, Nguyễn Văn B, Hoàng Văn M, Lâm Văn S mỗi bị cáo 08 tháng tù là có căn cứ và đúng quy định pháp luật.

Tuy nhiên, các bị cáo Hoàng Văn N, Mã Văn L, Hứa Văn S, Nguyễn Văn B, Diệp Văn H, Tăng Văn C, Hoàng Văn M đều là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo đủ điều kiện cho hưởng án treo theo hướng dẫn tại Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 15/5/2018. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo theo như đề nghị của Kiểm sát là phù hợp.

Đối với Lâm Văn S, quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, S không thừa nhận hành vi phạm tội, căn cứ lời khai của các bị cáo cùng tham gia đánh bạc với S có đủ căn cứ kết tội đối với bị cáo; bị cáo Trần Văn Th đã có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc; bị cáo Ngô Văn V, Diệp Văn T, Lâm Văn P có nhân thân xấu. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của S, Thìn, Vĩ, Thêm, P.

- Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Ngô Văn V, Lâm Văn P, Trần Văn Th, Nguyễn Văn B không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo nên án sơ thẩm phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ và cần thiết. Tuy nhiên, các bị cáo đều sống ở thôn, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên mức tiền phạt bổ sung của án sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là chưa phù hợp với tình hình kinh tế nơi các bị cáo sinh sống. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm tiền phạt bổ sung của các bị cáo theo như đề nghị của Kiểm sát là phù hợp.

Tuy hai bị cáo Lý Văn B1 và Trần Văn H1 không kháng cáo nhưng Hội đồng xét thấy bản án sơ thẩm phạt bổ sung hai bị cáo số tiền 20.000.000đồng là chưa phù hợp với tình hình kinh tế nơi các bị cáo sinh sống. Do đó, cần giảm một phần tiền phạt bổ sung cho các bị cáo trên.

Đối với kháng cáo của các bị cáo N, L, H, Thêm, C đề nghị giảm tiền phạt; bị cáo S đề nghị miễn tiền phạt bổ sung trùng với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, nên xét ở phần dưới đây.

[5] Xét Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn.

Bản án sơ thẩm đã phạt các bị cáo Hoàng Văn N 30.000.000đ; Mã Văn L 30.000.000đ, Diệp Văn H 30.000.000đ, Hứa Văn S 20.000.000đ, Diệp Văn X 20.000.000đ, Hoàng Văn C 20.000.000đ, Nguyễn Văn Ph 20.000.000đ, Lâm Văn S 20.000.000đ, Tăng Văn C 20.000.000đ; Diệp Văn T 20.000.000đ.

Hội đồng xét xử thấy, các bị cáo N, L, H, S, Xít, P, S, Thêm, Tăng Văn C và Hoàng Văn C thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc là người dân tộc thiểu số sống ở thôn, xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, được hưởng chế độ ưu đãi của Nhà nước theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020 và Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05/3/2007 của Thủ tướng Chính phủ (Ban hành kèm theo danh mục các đơn V hành chính thuộc vùng khó khăn) và thuộc được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì vậy, việc áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với các bị cáo này là trái với chính sách của Đảng và Nhà nước, không phù hợp với các Quyết định, Nghị định nêu trên của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của các bị cáo N, L, H, Thêm, C và Kháng nghị của Viện KSND huyện Lục Ngạn.

[6] Về án phí hình sự Phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận một phần nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự Phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Văn V, Lâm Văn P, Trần Văn Th, Diệp Văn T, Lâm Văn S về phần hình phạt chính. Giữ nguyên phần hình phạt chính đối với các bị cáo.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo về hình phạt bổ sung của các bị cáo Vĩ, P, Thìn, Thêm, B. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo và giảm tiền phạt bổ sung của các bị cáo N, L, S, B, H, C, M. Sửa bản án sơ thẩm.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 sửa phần bản án sơ thẩm đối với phần hình phạt bổ sung của hai bị cáo Lý Văn B1 và Trần Văn H1.

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự, chấp nhận Quyết định kháng nghị số 01/QĐ-VKS-HS ngày 07/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn. Sửa bản án sơ thẩm.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Ngô Văn V, Hoàng Văn N, Mã Văn L, Diệp Văn T, Lâm Văn P, Hứa Văn S, Nguyễn Văn B, Diệp Văn H, Trần Văn Th, Tăng Văn C, Hoàng Văn M, Lâm Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Văn V, Lâm Văn P. Xử phạt:

- Bị cáo Ngô Văn V 16 tháng tù, được khấu trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

- Bị cáo Lâm Văn P 08 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

2.2 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Diệp Văn T 10 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.3. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Văn Th 08 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 14/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt tiền 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

2.4 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lâm Văn S 08 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ (từ ngày 05/2/2020 đến ngày 06/2/2020), thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2.5 Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án Phúc thẩm. Phạt tiền 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

2.6 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Hoàng Văn N, Mã Văn L, Diệp Văn H, Tăng Văn C, Hoàng Văn M. Xử phạt:

- Bị cáo Hoàng Văn N 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 32 tháng kể từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Bị cáo Mã Văn L 14 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 28 tháng kể từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Bị cáo Diệp Văn H 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Bị cáo Tăng Văn C 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

- Bị cáo Hoàng Văn M 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

2.7 Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hứa Văn S. Xử phạt:

- Bị cáo Hứa Văn S 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án Phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B, Hoàng Văn N, Mã Văn L, Diệp Văn H, Hứa Văn S, Tăng Văn C, Hoàng Văn M cho UBND xã K, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.8 Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo: Hoàng Văn N, Mã Văn L, Diệp Văn T, Tăng Văn C, Diệp Văn H, Hứa Văn S, Diệp Văn X, Nguyễn Văn Ph, Hoàng Văn C, Lâm Văn S, Hoàng Văn M.

2.9 Phạt tiền bị cáo Lý Văn B1 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

2.10 Phạt tiền bị cáo Trần Văn H1 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

[3] Án phí hình sự Phúc thẩm: Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 11 và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự Phúc thẩm.

[4] Xác nhận bị cáo Nguyễn Văn B đã nộp 10.200.000 đồng theo biên lai số AA/2015/0002240 ngày 26/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

[5] Hoàn trả bị cáo Hứa Văn S 20.000.000 đồng tiền đã nộp theo biên lai số AA/2015/0002231 ngày 24/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án Phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- STP tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA-VKS-TA-CCTHADS cấp sơ thẩm;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Trung Thông